

Bản án số: **33**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Thủy;

2. Bà Hoàng Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (Số 60 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 828/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim L, sinh năm: 1993; Địa chỉ: 53 kiệt 40 Nguyễn Sinh Cung, phường Vỹ Dạ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc B, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn MT, xã PM, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/10/2022, và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của chị Lê Thị Kim L tại phiên tòa đã xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh B tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã PM, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên H (nay là xã PM, thành phố H) vào ngày 14/3/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà bố mẹ anh B tại thôn MT, xã PM, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Quá trình chung sống vợ chồng

hạnh phúc được 07 năm đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B ham mê cờ bạc, bản thân anh B không chịu làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng hiện đã sống ly thân với nhau, vợ chồng mỗi người một nơi không còn ai quan tâm nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Lê Thị Kim L và anh Trần Quốc B chung sống có 02 người con chung tên là Trần Quốc T, sinh ngày 16/9/2012; Trần Quốc T., sinh ngày 19/8/2015. Hiện nay 02 con chung đang ở với chị L. Nếu Tòa án cho ly hôn thì chị L xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu T, T. đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi cả hai cháu một tháng 2.000.000 đồng (mỗi cháu một triệu đồng)

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Kim L trình bày chị và anh B chung sống không có tài sản chung, không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Quốc B – bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn thống nhất như lời khai của chị Lê Thị Kim L. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà bố mẹ anh B. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân một phần lỗi do anh B ham chơi, mê cờ bạc, dẫn đến vợ chồng ly thân, một phần lỗi cũng do chị L có người đàn ông khác không muốn chung sống với anh B. Hiện vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng không hàn gắn đoàn tụ được nên anh B cũng đồng ý thuận tình ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh B và chị L chung sống có 02 người con chung như chị L đã trình bày. Lâu nay các con chung đang ở với chị L. Anh B có nguyện được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Quốc T còn giao cháu Trần Quốc T. cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Quốc B trình bày anh và chị L chung sống không có tài sản chung, không có nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bản tự khai của cháu Trần Quốc T, Trần Quốc T. thể hiện: Cháu T, cháu T. có nguyện vọng được ở với chị Lê Thị Kim L.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì được biết: Anh Trần Quốc B và chị Lê Thị Kim L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PM, thành phố H vào năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ anh B. Quá trình chung sống của chị L, anh B có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B ham chơi, có đánh bài thua lỗ nên chị L bỏ về nhà cha mẹ của chị sinh sống, gia đình anh B có khuyên bảo nhưng anh B không nghe. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh B thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy

định tại các Điều 28; 35; 39; 68; các Điều 93,94,95,96 và Điều 97; Điều 195; 196 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của đương sự:

- + Đối với đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Kim L được ly hôn với anh Trần Quốc B.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung Trần Quốc T, sinh ngày 16/9/2012 và cháu Trần Quốc T., sinh ngày 19/8/2015 cho chị Lê Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T, cháu T.. Buộc anh Trần Quốc B phải cấp dưỡng tiền nuôi con một tháng 2.000.000 đồng (Mỗi cháu 1.000.000 đồng/1tháng).

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Kim L và anh Trần Quốc B trình bày anh, chị chung sống không có tài sản chung, không có nợ của ai nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn MT, xã PM, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim L và anh Trần Quốc B xác nhận vợ chồng chung sống với nhau đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu ly hôn của chị L, thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, lời khai của anh B, chị L, quá trình Tòa án điều tra, xác minh thu thập chứng cứ, để có cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh B ham chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn ai thương yêu, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ

lẫn nhau. Chị Lê Thị Kim L và anh Trần Quốc B đã sống ly thân. Anh B cũng đồng ý thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quốc B và chị Lê Thị Kim L.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị Lê Thị Kim L và anh Trần Quốc B xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên là Trần Quốc T, sinh ngày 16/9/2012; Trần Quốc T., sinh ngày 19/8/2015. Hiện nay 2 con chung đang ở với chị L. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu T.. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cả hai cháu Trần Quốc T và Trần Quốc T. cho chị Lê Thị Kim L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Về yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị Lê Thị Kim L yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi cả hai con chung một tháng 2.000.000 đồng (Mỗi cháu 1.000.000 đồng/1tháng). Xét thấy yêu cầu của chị Lê Thị Kim L là chính đáng nên Hội đồng xét xử buộc anh Trần Quốc B phải cấp dưỡng tiền nuôi cả hai con chung một tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) (Mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng).

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Quốc B, chị Lê Thị Kim L khai vợ chồng chung sống không có tài sản gì chung, không có nợ của ai, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 55, 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Kim L và anh Trần Quốc B; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử: Giao cả hai con chung là cháu Trần Quốc T, sinh ngày 16/9/2012 và cháu Trần Quốc T., sinh ngày 19/8/2015 cho chị Lê Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu T.. Hiện 2 con chung đang ở với chị L. Anh Trần Quốc B phải cấp dưỡng tiền nuôi cả hai cháu một tháng 2.000.000 đồng (mỗi cháu 1 triệu đồng/1tháng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên (Đủ 18 tuổi) .

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Quốc B, chị Lê Thị Kim L khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim L chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2021/0004763 ngày 11 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; Chị L đã nộp đủ án phí.

Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Trần Quốc B phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H;
- UBND xã PM, TP H (đăng ký kết hôn số 01, ngày 14/3/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hương Lan